TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-11-2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Ông Trương Quang Lương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1977; cư trú: Thôn Do Hạ, xã Mê Linh, Thành phố Hà Nội; địa chỉ cần báo tin: Số nhà 17 Võ Duy D, tổ dân phố 9, phường Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm L, sinh năm 1962; cư trú: Số nhà 17 Võ Duy D, tổ dân phố 9, phường Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025 và bản tự khai ngày 27/10/2025 nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) vào tháng 03/2023. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thuận hòa. Từ 03 tháng trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự sẽ chia, thấu hiểu nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại bà xác định không còn tình cảm với ông Lô và không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình nên bà có yêu cầu ly hôn để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện bà Thìn đã chuyển về sống ở quê nhà tại xã Mê Linh, Thành phố Hà Nội và vì điều kiện công việc, bà không thể có mặt tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, bà có đơn đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà giữ nguyên lời khai như đã trình bày tại Bản tự khai cung cấp cho Tòa án.

** Tại Bản tự khai ngày 17/10/2025 bị đơn ông Phạm L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình tìm hiểu, kết hôn và cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn như bà Thìn trình bày là đúng thực tế. Thời gian mấy tháng trở lại đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự nhường nhịn, cảm thông cho nhau về các vấn đề diễn ra trong đi sống hằng ngày. Hai gia đình nội ngoại cũng nhiều lần cố gắng vun vén, hòa giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn căng thẳng, cãi vã to tiếng ngày càng nhiều. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Ông đã suy nghĩ kỹ và xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Thìn.

- *Về con chung, tài sản chung*: Vợ chồng chỉ có thời gian sống chung ngắn ngũi, không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ngô Thị T và bị đơn ông Phạm L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Ngô Thị T có yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Phạm L. Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm L có nơi cư trú tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T và bị đơn ông Phạm L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm a Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Ngô Thị T và ông Phạm L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây được xác định là hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra quá trình chung sống cả hai người phải có sự thương yêu, giúp đỡ, cùng nhau chia sẽ mọi khó khăn, thuận lợi trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thuận hòa. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng bà Thìn, ông Lô chỉ sống chung với nhau được một thời gian ngắn khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẩn, xung đột. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự sẽ chia, gánh vác trách nhiệm cùng nhau, thiếu sự tin tưởng, nhường nhịn và tôn trọng nhau nên dẫn đến xảy ra mâu thuẩn, cãi vã thường xuyên, hiện đã sống ly thân. Cả ông Lô, bà Thìn và người thân hai bên gia đình nội ngoại cũng đã cố gắng tìm mọi cách để khắc phục mâu thuẩn cho vợ chồng, hàn gắn hôn nhân cho ông Lô, bà Thìn nhưng không có kết quả tích cực. Xét mâu thuẩn giữa vợ chồng ông Lô, bà Thìn như hiện nay là trầm trọng, cuộc sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T, xử cho bà Thìn được ly hôn Phạm L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị T và ông Phạm L đều thống nhất xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị T và ông Phạm L đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 238, các điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Ngô Thị T được ly hôn ông Phạm L.
- *Về con chung:* Không xem xét.
- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thìn đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001207 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Xác định bà Thìn đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Ngô Thị T, bị đơn ông Phạm L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND, THADS Khu vực 1-QT;
- UBND phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Hạnh